

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.

Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
1	CNTN2023	23TNT1TN1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Thanh Phương	30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMD203	43	1	NTTinh
2	CNTN2023	23TNT1TN1	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N3	T2	3.5-5	cs2:PMD204	42	1	TrTĐạt
3	CNTN2024	24TNT1TN1	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Trần Thái Sơn	30	N1	T2	3.5-5	cs2:PMC201	44	1	PMHoàng
4	CNTN2024	24TNT1TN1	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Minh Huy	30	N1	T4	6-7.5	cs2:PMD203	44	1	TTThịnh
5	CQ2023/1	23CTT1A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Ngọc Đức	30	N1	T3	3.5-5	cs2:PMD203	36	1	NTTinh
6	CQ2023/1	23CTT1B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Ngọc Đức	30	N2	T3	1-2.5	cs2:PMD203	35	1	NTTinh
7	CQ2023/1	23CTT1A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N1	T4	6-7.5	cs2:PMD204	39	1	TrTĐạt
8	CQ2023/1	23CTT1B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N2	T4	8.5-10	cs2:PMD204	40	1	TrTĐạt
9	CQ2023/2	23CTT2A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cao Xuân Nam	30	N1	T4	3.5-5	cs2:PMD203	36	1	THQuân
10	CQ2023/2	23CTT2B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cao Xuân Nam	30	N2	T4	1-2.5	cs2:PMD203	36	1	THQuân
11	CQ2023/2	23CTT2A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N1	T5	1-2.5	cs2:PMD204	40	1	TrTĐạt
12	CQ2023/2	23CTT2B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N2	T5	3.5-5	cs2:PMD204	40	1	TrTĐạt
13	CQ2023/3	23CTT3A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Văn Chí Nam	30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMD203	40	1	PTPUyên
14	CQ2023/3	23CTT3B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Văn Chí Nam	30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMD203	38	1	PTPUyên
15	CQ2023/3	23CTT3A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMD204	40	1	TrTĐạt
16	CQ2023/3	23CTT3B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMD204	39	1	TrTĐạt
17	CQ2023/4	23CTT4A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Tiến Lên	30	N1	T5	3.5-5	cs2:PMD203	36	1	NTDMinh

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.

Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỜNG NHÓM GVHDT	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDT	GV HDT
18	CQ2023/4	23CTT4B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Tiến Lên	30	N2	T5	1-2.5	cs2:PMD203	37	1	NTDMinh
19	CQ2023/4	23CTT4A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N1	T2	8.5-10	cs2:PMD204	40	1	TrTĐạt
20	CQ2023/4	23CTT4B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Tấn Đạt	30	N2	T2	6-7.5	cs2:PMD204	40	1	TrTĐạt
21	CQ2023/5	23CTT5A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Duy Đăng	30	N1	T2	1-2.5	cs2:PMD203	40	1	NTTinh
22	CQ2023/5	23CTT5B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Duy Đăng	30	N2	T2	3.5-5	cs2:PMD203	40	1	NTTinh
23	CQ2023/5	23CTT5A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMD204	40	1	NCĐăng
24	CQ2023/5	23CTT5B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMD204	40	1	NCĐăng
25	CQ2023/6	23CTT6A	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	Phạm Nguyễn Sơn Tùng	30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMC202	40	1	PNSTùng
26	CQ2023/6	23CTT6B	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	Phạm Nguyễn Sơn Tùng	30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMC202	40	1	PNSTùng
27	CQ2024/1	24CTT1A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMC201	43	1	NDLộc
28	CQ2024/1	24CTT1B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMC201	44	1	NDLộc
29	CQ2024/1	24CTT1A	CSC10012	Cơ sở lập trình	Hồ Tuấn Thanh	30	N1	T3	8.5-10	cs2:PMC202	43	1	THQuang
30	CQ2024/1	24CTT1B	CSC10012	Cơ sở lập trình	Hồ Tuấn Thanh	30	N2	T3	6-7.5	cs2:PMC202	44	1	THQuang
31	CQ2024/2	24CTT2A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đậu Ngọc Hà Dương	30	N1	T5	1-2.5	cs2:PMC201	43	1	LNTNhi
32	CQ2024/2	24CTT2B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đậu Ngọc Hà Dương	30	N2	T5	3.5-5	cs2:PMC201	44	1	LNTNhi
33	CQ2024/2	24CTT2A	CSC10012	Cơ sở lập trình	Bùi Duy Đăng	30	N1	T5	3.5-5	cs2:PMC202	43	1	MATuấn
34	CQ2024/2	24CTT2B	CSC10012	Cơ sở lập trình	Bùi Duy Đăng	30	N2	T5	1-2.5	cs2:PMC202	44	1	MATuấn

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.

Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỜNG NHÓM GVHĐTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH
35	CQ2024/3	24CTT3A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Nguyễn Trọng Việt	30	N1	T3	1-2.5	cs2:PMC201	43	1	NDLộc
36	CQ2024/3	24CTT3B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Nguyễn Trọng Việt	30	N2	T3	3.5-5	cs2:PMC201	44	1	NDLộc
37	CQ2024/3	24CTT3A	CSC10012	Cơ sở lập trình	Trương Toàn Thịnh	30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMC202	43	1	NDLộc
38	CQ2024/3	24CTT3B	CSC10012	Cơ sở lập trình	Trương Toàn Thịnh	30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMC202	44	1	NDLộc
39	CQ2024/4	24CTT4A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Lê Nguyễn Hoài Nam	30	N1	T6	6-7.5	cs2:PMC201	44	1	THQuang
40	CQ2024/4	24CTT4B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Lê Nguyễn Hoài Nam	30	N2	T6	8.5-10	cs2:PMC201	44	1	THQuang
41	CQ2024/4	24CTT4A	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	N1	T6	8.5-10	cs2:PMC202	44	1	MATuấn
42	CQ2024/4	24CTT4B	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	N2	T6	6-7.5	cs2:PMC202	44	1	MATuấn
43	CQ2024/5	24CTT5A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	N1	T4	6-7.5	cs2:PMC201	44	1	LNTNhi
44	CQ2024/5	24CTT5B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	N2	T4	8.5-10	cs2:PMC201	44	1	LNTNhi
45	CQ2024/5	24CTT5A	CSC10012	Cơ sở lập trình	Phạm Minh Tuấn	30	N1	T4	8.5-10	cs2:PMC202	44	1	THQuang
46	CQ2024/5	24CTT5B	CSC10012	Cơ sở lập trình	Phạm Minh Tuấn	30	N2	T4	6-7.5	cs2:PMC202	44	1	THQuang
47	TTNT2023	23TNT1A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Lê Hoàng Thái	30	N1	T6	3.5-5	cs2:PMD203	27	1	NTTinh
48	TTNT2023	23TNT1B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Lê Hoàng Thái	30	N2	T6	1-2.5	cs2:PMD203	26	1	NTTinh
49	TTNT2023	23TNT1A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N1	T6	1-2.5	cs2:PMD204	34	1	NCDăng
50	TTNT2023	23TNT1B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N2	T6	3.5-5	cs2:PMD204	32	1	NCDăng
51	TTNT2024	24TNT1A	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	Phạm Trọng Nghĩa	30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMC201	25	1	NTDMinh

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.

Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỜNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
52	TTNT2024	24TNT1B	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	Phạm Trọng Nghĩa	30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMC201	26	1	NTDMinh
53	TTNT2024	24TNT1A	CSC10013	Cơ sở lập trình cho trí tuệ nhân tạo	Lê Thanh Tùng	30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMC202	25	1	NTDMinh
54	TTNT2024	24TNT1B	CSC10013	Cơ sở lập trình cho trí tuệ nhân tạo	Lê Thanh Tùng	30	N2	T2	8.5-10	cs2:PMC202	26	1	NTDMinh
55	CQ2022/5	22_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N1	T3	1-2.5	es2:PMC202		1	
56	CQ2022/5	22_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T3	3.5-5	es2:PMC202		1	
57	CQ2022/5	22_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T5	6-7.5	es2:PMD203		1	
58	CQ2022/5	22_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N2	T5	8.5-10	es2:PMD203		1	

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ NGUYỄN VĂN CỪ
CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học khóa 2021, 2022: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 08/12/2024

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHĐTH	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	Ghi chú
1	CNTN2021	21TN	CSC10107	Thực tập thực tế	Phạm Thị Bạch Huệ, Trần Minh Triết	60	32	2	LKDuy	NHĐăng		
2	CNTN2021	21TN	CSC13007	Phát triển game	Trần Minh Triết	30	21	2	TNĐThành	HVThám		
3	CNTN2022	22TN	CSC10007	Hệ điều hành	Trần Trung Dũng	30	37	2	CTLinh	NTQuân		
4	CNTN2022	22TN	CSC10105	Nhập môn tư duy thuật toán	Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Hải Đăng	30	32	2	ĐTLễ	NQThức		
5	CNTN2022	22TN1	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Đinh Bá Tiến	30	36	2	HTThanh	NNĐKhoa		
6	CNTN2022	22TN	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Trần Minh Triết	30	35	2	ĐTLễ	HVThám		
7	CNTN2022	22TN	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	30	37	2				

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học khóa 2021, 2022, 2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024

Thời gian học khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GV HDTH N7	GHI CHÚ
1	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	39	2	ĐHCường	HTBTrần						
2	CQ2021/1	21_1	CSC12005	Phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại	Phạm Minh Tú	20	1	PMTú							
3	CQ2021/1	21_1	CSC12107	Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh	Hồ Thị Hoàng Vy	65	4	HTHVy	TGHồng	TGHồng	NNMChâu				
4	CQ2021/1	21_1	CSC12110	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Vũ Thị Mỹ Hằng	32	2	VTMHằng	HTHVy						
5	CQ2021/1	21_1	CSC17106	Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến	Nguyễn Trần Minh Thư	38	2	PMTú	PMTú						
6	CQ2021/21	21_21	CSC14117	Nhập môn lập trình kết nối vạn vật	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	20	1	ĐTTHà							
7	CQ2021/21	21_21A	CSC14120	Lập trình song song	Phạm Trọng Nghĩa	54	3	PTNghĩa	BĐĐáng	BĐĐáng					
8	CQ2021/22	21_22	CSC15001	An ninh máy tính	Huỳnh Nguyên Chính	40	2	NĐHy	NVQHuy						
9	CQ2021/22	21_22	CSC15010	Blockchain và ứng dụng	Nguyễn Đình Thúc	40	2	NĐHy	THSơn						
10	CQ2021/22	21_22	CSC15011	Nhập môn ngôn ngữ học thống kê và ứng dụng	Lê Thanh Tùng	16	1	NTDMinh							
11	CQ2021/22	21_22	CSC15104	An toàn và phục hồi dữ liệu	Thái Hùng Văn	31	2	THVăn	THVăn						
12	CQ2021/23	21_23	CSC16002	Phương pháp toán trong phân tích dữ liệu thị giác	Lý Quốc Ngọc	9	1	LQNgọc							
13	CQ2021/23	21_23	CSC16106	Nhập môn lập trình điều khiển thiết bị thông minh	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	14	1	NĐHHạ							
14	CQ2021/23	21_23	CSC16107	Ứng dụng thị giác máy tính	Võ Hoài Việt	14	1	VHViệt							
15	CQ2021/24	21_24	CSC17102	Học sâu cho khoa học dữ liệu	Nguyễn Tiến Huy	45	2	NTiếnHuy	NTDMinh						
16	CQ2021/24	21_24	CSC17103	Khai thác dữ liệu đồ thị	Lê Ngọc Thành	25	1	LNNam							
17	CQ2021/24	21_24	CSC17107	Ứng dụng phân tích dữ liệu thông minh	Nguyễn Tiến Huy	46	2	NTiếnHuy	LTTùng						
18	CQ2021/3	21_3	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	Trần Duy Hoàng	69	4	TDHoàng	TPLộc	TPLộc	HTThanh				
19	CQ2021/3	21_3	CSC13007	Phát triển game	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	53	3	MATuấn	NLHDũng	TDQuang					
20	CQ2021/3	21_3	CSC13106	Kiến trúc phần mềm	Trần Minh Triết, Trần Văn Quý	70	4	TVQuý	TVQuý	NNĐKhoa	NNĐKhoa				
21	CQ2021/3	21_3	CSC13107	Mẫu thiết kế hướng đối tượng và ứng dụng	Nguyễn Minh Huy	46	2	NMHuy	NNĐKhoa						
22	CQ2021/3	21_3	CSC13112	Thiết kế giao diện	Nguyễn Văn Vũ	41	2	HTThanh	HTThanh						
23	CQ2021/3	21_3	CSC13114	Phát triển ứng dụng web nâng cao	Nguyễn Huy Khánh	73	4	TPLộc	TPLộc	NNĐKhoa	NNĐKhoa				
24	CQ2021/3	21_3	CSC13118	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động nâng cao	Phạm Hoàng Hải	60	3	TDQuang	TDQuang	TPLộc					
25	CQ2021/31	21_31	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	Trần Thị Bích Hạnh	45	2	TTBHạnh	TPLộc						
26	CQ2021/5	21_5	CSC10102	Kiến tập nghề nghiệp	Cao Xuân Nam	104	5	CXNam	LTThảo	ĐTTHà	HHMy	ĐHThương			
27	CQ2022/1	22_1	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Viết Long	81	4	LVLong	LVLong	PTSơn	PTSơn				
28	CQ2022/1	22_1	CSC12002	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Vũ Thị Mỹ Hằng	83	4	HTHVy	HTHVy	TGHồng	TGHồng				
29	CQ2022/1	22_1	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Tuấn Nguyên Hoài Đức	91	5	TNHĐức	TNHĐức	LHCơ	LHCơ	LHCơ			
30	CQ2022/1	22_1	CSC12109	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	Tiết Gia Hồng	51	3	LNHNam	LNHNam	NNMChâu					
31	CQ2022/1	22_1	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Phạm Minh Tuấn	91	4	HTThanh	HTThanh	NLHDũng	PHHải				

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHĐTH	SỐ SV	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	GV HĐTH N4	GV HĐTH N5	GV HĐTH N6	GV HĐTH N7	GHI CHÚ
32	CQ2022/21	22_21	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Giang Thanh	77	4	LGThanh	LGThanh	NTQuân	NTQuân				
33	CQ2022/21	22_21	CSC10108	Thực quan hóa dữ liệu	Bùi Tiến Lên	75	4	BTLên	LNNam	LNNam	LNThành				
34	CQ2022/21	22_21	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	85	4	LHBắc	NTDMinh	NTDMinh	NTTĩnh				

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GV HDTH N7	GHI CHÚ
35	CQ2022/21	22_21	CSC14111	Nhập môn thiết kế và phân tích giải thuật	Nguyễn Thanh Phương	16	1	NNThảo							
36	CQ2022/21	22_21	CSC14119	Nhập môn khoa học dữ liệu	Lê Ngọc Thành	78	4	LNThành	LNNam	LNNam	VCThành				
37	CQ2022/21	22_21	CSC17104	Lập trình cho khoa học dữ liệu	Phạm Trọng Nghĩa	72	4	PTNghĩa	LNThành	LNThành	VCThành				
38	CQ2022/22	22_22	CSC10007	Hệ điều hành	Vũ Thị Mỹ Hằng	77	4	VTMHằng	VTMHằng	LQHòa	LQHòa				
39	CQ2022/22	22_22	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Nguyễn Ngọc Đức	92	5	NNĐức	NTDMinh	NTDMinh	NTTHằng	NTTHằng			
40	CQ2022/22	22_22	CSC14007	Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán	Lê Phúc Lữ	50	3	NDHy	NDHy	NVQHuy					
41	CQ2022/22	22_22	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã	Đặng Trần Minh Hậu	70	4	NVQ Huy	NVQ Huy	NDHy	ĐTMHậu				
42	CQ2022/22	22_22	CSC15006	Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Đình Điền, Nguyễn Hồng Bửu Long	74	4	LTTùng	NHBLong	LAVinh	LAVinh				
43	CQ2022/23	22_23	CSC16001	Đồ họa máy tính	Lý Quốc Ngọc	26	1	PTTùng							
44	CQ2022/23	22_23	CSC16005	Xử lý ảnh số và video số	Lý Quốc Ngọc	57	3	LQNgọc	NMHùng	PMHoàng					
45	CQ2022/3	22_3	CSC10007	Hệ điều hành	Phạm Tuấn Sơn	77	4	PTSơn	PTSơn	LVLong	LVLong				
46	CQ2022/3	22_3	CSC13001	Lập trình Windows	Trần Duy Quang	67	4	TDQuang	NLHDững	MATuấn	MATuấn				
47	CQ2022/3	22_3	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Nguyễn Thị Minh Tuyền	89	4	HTThanh	PHHải	PHHải	MATuấn				
48	CQ2022/3	22_3	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	Nguyễn Huy Khánh	78	4	ĐNKha	ĐNKha	TPLộc	TPLộc				
49	CQ2022/3	22_3	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Trương Toàn Thịnh	29	1	MATuấn							
50	CQ2022/31	22_31	CSC13001	Lập trình Windows	Trần Duy Quang	70	4	TDQuang	NLHDững	MATuấn	MATuấn				
51	CQ2022/31	22_31	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	Mai Anh Tuấn	71	4	MATuấn	ĐNKha	ĐNKha	PHHải				
52	CQ2022/31	22_31	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	61	3	NLHDững	NLHDững	TDQuang					
53	CQ2022/4	22_4	CSC10007	Hệ điều hành	Trần Trung Dũng	76	4	CTLinh	CTLinh	NTQuân	NTQuân				
54	CQ2022/4	22_4	CSC11004	Mạng máy tính nâng cao	Lê Ngọc Sơn	40	2	LNSơn	LNSơn						
55	CQ2022/4	22_4	CSC11117	Hệ điều hành Linux và ứng dụng	Lê Hà Minh	28	1	LHMinh							
56	CQ2022/4	22_4	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ngô Ngọc Đăng Khoa	85	4	NNĐKhoa	PHHải	PHHải	TVQuý				
57	CQ2022/4	22_4	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Bùi Duy Đăng	91	5	BĐĐăng	NTTinh	NTTinh	LNNam	LNNam			
58	CQ2023/1	23CTT1	CSC10008	Mạng máy tính	Nguyễn Thanh Quân	80	4	NTQuân	NTQuân	LHMinh	LHMinh				
59	CQ2023/2	23CTT2	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	77	4	ĐHCường	ĐHCường	HTBTrần	HTBTrần				
60	CQ2023/3	23CTT3	CSC10008	Mạng máy tính	Huỳnh Thụy Bảo Trân	74	4	CTLinh	CTLinh	HTBTrần	HTBTrần				
61	CQ2023/4	23CTT4	CSC10008	Mạng máy tính	Huỳnh Thụy Bảo Trân	72	4	CTLinh	CTLinh	HTBTrần	HTBTrần				
62	CQ2023/5	23CTT5	CSC10008	Mạng máy tính	Lê Hà Minh	73	4	LHMinh	LHMinh	NTQuân	NTQuân				
63	TTNT2021	21TNT	CSC18001	Nhập môn học sâu	Lê Thanh Tùng	28	1	NTDMinh							
64	TTNT2021	21TNT	CSC18101	Trí tuệ nhân tạo cho an ninh thông tin	Nguyễn Đình Thúc, Vũ Quốc Hoàng	40	2	NNToàn	NgTHường						
65	TTNT2023	23TNT1	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	53	3	ĐHCường	ĐHCường	HTBTrần					